

VAI TRÒ GIỚI TRONG SẢN XUẤT KHOAI TÂY CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN MIỀN BẮC NƯỚC TA

Gender role in household's potato production in North Vietnam

Kim Thị Dung¹

SUMMARY

Potato is a cash crop, contributing not only significantly to household income but gender equity. This paper aims at discussing the role of women in potato producing households, division among women and men in potato decision making and the roles of potato production in gender equity development. Findings shows that: i) more than one third are women-headed households. These households often had lower income than men-headed ones. 65- 86% of farming activities were decided by women. Women played an important role in crop cultivation, product use, access to resources. This role is strengthened when women gained training; ii) Potato crop has contributed to gender equity in terms of job generation, improving income distribution, nutrition and control over resources. Women and children are primary beneficiaries from potato production; iii) To enhance the efficiency of potato production, extension programs should be designed to meet the needs of potato women rather than men. Training program should focus on improving women's skills in seed management, planting techniques, crop management, harvesting, marketing and utilization.

Keywords: Gender role, potato production, equity, beneficiary.

1. MỞ ĐẦU

Khoai tây là cây thực phẩm quan trọng trong hệ thống cây lương thực thực phẩm của Việt Nam, được trồng chủ yếu ở miền Bắc nước ta qua nhiều thập kỷ nay. Trong những năm gần đây, diện tích và năng suất khoai tây có xu hướng tăng, do nhu cầu của thị trường và sự đổi mới của khoa học kỹ thuật trong sản xuất khoai tây. Tuy vậy, từ năm 1976 đến nay, năng suất khoai tây bình quân của cả nước chưa vượt quá 12 tấn/ha; sản xuất khoai tây ở nước ta vẫn chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường (Đỗ Kim Chung, 2001). Đã có nhiều nghiên cứu về phương diện kỹ thuật và phương diện kinh tế - xã hội của sản xuất khoai tây nhằm tìm giải pháp cho phát

triển cây trồng này. Tuy nhiên vai trò về giới trong sản xuất khoai tây; phân công lao động giữa nam và nữ; sự tham gia của phụ nữ trong việc quyết định trồng khoai tây; Ai (nam giới hay phụ nữ) được lợi hơn từ sản xuất khoai tây trong các hộ nông dân thì chưa có những nghiên cứu cụ thể. Từ thực tế đó, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này nhằm mục đích:

- Xác định vai trò giới trong phân công và quyết định và tham gia trong sản xuất khoai tây
- Xác định sự đóng góp của sản xuất khoai tây trong công bằng về giới
- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của phụ nữ trong sản xuất khoai tây.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông tin và số liệu thứ cấp được thu thập từ các nghiên cứu có liên quan. Số liệu sơ cấp thu được qua điều tra thu thập kinh tế hộ ở 5

¹ Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế & PTNT

VAI TRÒ GIỚI TRONG SẢN XUẤT KHOAI TÂY CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN...

Bảng 1. Các điểm nghiên cứu và số hộ điều tra

Huyện	Xã	Số hộ điều tra
Lộc Bình – Lạng Sơn	Đông Bục và Hữu Khánh	98
Việt Yên – Bắc Giang	Việt Tiến và Quảng Minh	100
Đông Hưng – Thái Bình	Trọng Quan và Hoa Lư	91
Thường Tín – Hà Tây	Hạ Hồi và Quất Động	85
Hoàng Hoá – Thanh Hoá	Hoàng Thắng và Hoàng Thành	87
Tổng cộng	10 xã	461

huyện đại diện cho các vùng núi, trung du, đồng bằng và khu bốn cũ của 5 tỉnh miền Bắc nước ta. Đó là huyện Lộc Bình - Lạng Sơn, Việt Yên - Bắc Giang, Thường Tín - Hà Tây, Đông Hưng - Thái Bình và Hoàng Hoá- Thanh Hoá. Mỗi huyện chọn 2 xã đại diện để điều tra. Số hộ điều tra ở mỗi xã được chọn ngẫu nhiên theo danh sách và theo tỷ lệ thực tế hộ trồng khoai tây trong xã thu được từ đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của dân (PRA) (Bảng 1). Phiếu điều tra được xây dựng dựa trên phương pháp phân tích giới (Văn phòng dự án VIE96/001, 1998) và phù hợp với sản xuất khoai tây, sau đó phỏng vấn trực tiếp từng hộ làm khoai tây. Thời điểm điều tra tháng 3 năm 2001.

Số liệu điều tra được xử lý bằng chương trình Excel và chương trình SPSS và được phân tích bằng phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vai trò chủ hộ của phụ nữ và nam giới trong hộ sản xuất khoai tây

Gần 1/3 số hộ trồng khoai tây là các hộ có

chủ hộ là nữ. Con số này chiếm 12,2% ở huyện Lộc Bình và 50,6% ở huyện Thường Tín (Bảng 2). Tuy nhiên, thực tế cho thấy phụ nữ ít có cơ hội hơn để nâng cao trình độ văn hoá như nam giới. Hộ có chủ hộ là nữ, có ít số lợn nuôi và thu nhập từ khoai tây cũng thấp hơn so với các hộ có chủ hộ là nam giới (Đỗ Kim Chung, 2001). Vì thế, để nâng cao sản xuất khoai tây, các biện pháp cần tập trung vào phụ nữ hơn là nam giới ở tất cả các huyện.

3.2. Phân công ra quyết định giữa nam và nữ trong sản xuất khoai tây

Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong việc ra quyết định sản xuất khoai tây (Bảng 3 và bảng 4).

Có 65% - 86% số hộ có các quyết định về sản xuất khoai tây do phụ nữ đảm nhận. Nhiều phụ nữ tham gia ra quyết định sử dụng khoai tây hơn là tham gia ra quyết định trồng khoai tây (50,5% phụ nữ quyết định bán khoai hoặc để nhà dùng; 92,8% phụ nữ nấu khoai tây làm thức ăn cho gia đình; 92% phụ nữ dùng khoai tây làm thức ăn chăn nuôi). Phụ nữ có điều kiện quản lý phân bổ kinh phí để mua các đầu vào cho sản xuất và quản lý tiền thu được từ

Bảng 2. Số hộ có chủ hộ là nữ và chủ hộ là nam (hộ)

Huyện	Hộ có chủ hộ là nam		Hộ có chủ hộ là nữ		Tổng số	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Lộc Bình	86	87,8	12	12,2	98	100,0
Việt Yên	59	59,0	41	41,0	100	100,0
Thường Tín	42	49,4	43	50,6	85	100,0
Đông Hưng	57	62,6	34	37,4	91	100,0
Hoàng Hoá	66	75,8	21	24,2	87	100,0
Chung	310	67,2	151	32,8	461	100,0

Bảng 3. Phân công lao động giữa nam và nữ trong việc ra quyết định và quản lý (%)

	Thực hiện bởi			Sự tham gia của nữ
	Nam	Nữ	Cả hai	
Quyết định trồng khoai				
Có trồng khoai tây hay không	34,9	28,0	37,1	65,1
Trồng khoai giống hay khoai thịt	31,2	32,3	36,4	68,7
Lựa chọn giống trồng	22,3	46,6	31,0	77,6
Quản lý cây trồng	13,7	62,9	23,4	86,3
Quyết định sử dụng khoai tây				
Quyết định bán khoai và để nhà dùng	20,6	50,5	28,9	79,4
Đi bán khoai	9,8	76,1	14,1	90,2
Nấu khoai làm thức ăn cho gia đình	2,4	92,8	4,8	97,6
Dùng khoai cho lợn ăn	2,4	92,0	5,6	97,6
Tiếp cận quản lý tài nguyên				
Quản lý thu nhập từ khoai tây	9,5	84,8	5,6	90,4
Quyết định diện tích trồng	26,2	57,7	16,1	73,8
Lựa chọn giống đem trồng	10,2	83,3	6,5	89,8
Phân bổ tiền mua đầu vào cho khoai tây	10,6	84,8	4,6	89,4

Bảng 4. Phân công lao động giữa nam và nữ trong các khâu sản xuất khoai tây

Công việc	Nam làm	Nữ làm	Cả hai cùng làm	Sự tham gia của nữ
Cày bừa (%)	82,0	8,0	10,0	18,0
Trồng (%)	5,6	46,9	47,5	94,4
Chăm sóc đồng ruộng (%)	6,5	65,7	27,8	93,5
Thu hoạch (%)	3,5	31,2	65,3	96,5
Vận chuyển (%)	23,4	26,5	50,1	76,6
Phân loại củ (%)	2,0	61,2	36,8	98,0
Lao động (ngày người/ha)	73,9	119,2	97,2	216,4
% trong tổng số 290,3 ngày người/ha	25,5	41,1	33,5	74,6

bán khoai tây (lao động nữ chiếm từ 57,7% đến 84,8%).

Trong quá trình sản xuất khoai tây, ngoài khâu cày bừa và khâu vận chuyển, các khâu còn lại phụ nữ đảm nhận nhiều hơn so với nam giới đặc biệt là khâu chăm sóc đồng ruộng và phân loại củ (65,7% và 61,2%). Vai trò của phụ nữ trong ra các quyết định và tham gia các hoạt động đồng áng được nâng lên khi phụ nữ được tập huấn. Kết quả từ dự án quản lý tổng hợp cây trồng (ICM) đã chỉ ra rằng số phụ nữ tham gia các quyết định đã tăng lên sau khi tập huấn (Nguyễn Thị Xuyên, 2001).

3.3. Đóng góp cho công bằng về giới của cây khoai tây

Cây khoai tây đã đóng góp vào sự công bằng về giới trên các phương diện tạo ra việc làm cho phụ nữ, phân phối thu nhập, hoàn thiện tình trạng dinh dưỡng và ra quyết định trong hộ (Bảng 5). Bảng 5 cho thấy, lao động của phụ nữ chiếm tới 74,6% chi phí lao động trong sản xuất khoai tây. Vì thế, phát triển sản xuất khoai tây sẽ tạo ra việc làm cho phụ nữ hơn là cho nam giới.

Phụ nữ và trẻ em là những người được hưởng lợi hơn cả từ sản xuất khoai tây (Bảng

VAI TRÒ GIỚI TRONG SẢN XUẤT KHOAI TÂY CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN...

Bảng 5. Số hộ trả lời ai được lợi hơn cả từ khoai tây

Người lợi	Lộc Bình		Việt yên		Đông Hưng		Thường Tín		Hoàng Hoá		Chung	
	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	%
Nam	2	2,0	2	2,0	11	12,1	11	12,9	1	1,1	27	5,9
Nữ	53	54,1	88	88,0	75	82,4	57	67,1	82	94,3	355	77,0
Trẻ em	43	43,9	10	10,0	5	5,5	17	20,0	4	4,6	79	17,1

5): Sản xuất khoai tây tạo cho họ có nguồn thu nhập, thu nhập này dùng để chi tiêu hàng ngày, dùng cho sự học hành và chữa bệnh cho con cái; khoai tây có hàm lượng dinh dưỡng cao, bổ sung dinh dưỡng cho trẻ em và phụ nữ sẽ được tập huấn kiến thức thâm canh, phòng trừ sâu bệnh ...khi tham gia vào sản xuất khoai tây (Đỗ Kim Chung, 2001)

Như vậy, khoai tây là cây trồng do phụ nữ làm là chính. Vì thế, bất cứ sự hoàn thiện nào về kỹ thuật sản xuất khoai tây đều mang lại lợi ích cho phụ nữ như: công nghệ giống, bảo quản, kỹ thuật quản lý đồng ruộng... góp phần đảm bảo và nâng cao vị thế của phụ nữ trong việc ra quyết định và tiếp cận tới các nguồn lực của sản xuất khoai tây bao gồm đất đai, lao động, tín dụng và đầu vào.

4. KẾT LUẬN

Một phần ba số hộ làm khoai tây có chủ hộ là nữ. Những huyện gần thành phố thì tỷ lệ này cao hơn. Có tới 65- 86% số hộ việc ra quyết định về khoai tây do phụ nữ đảm nhận. Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong quyết định trồng trọt, sử dụng sản phẩm, tiếp cận quản lý nguồn lực của khoai tây. Khi được tập huấn vai trò của phụ nữ tăng lên.

Cây khoai tây có tác dụng đóng góp một phần cho công bằng về giới như tạo ra việc làm cho phụ nữ và hoàn thiện phân phối thu nhập và dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em. Phụ nữ và trẻ em là những người được lợi nhất từ sản xuất khoai tây.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất khoai tây, các chương trình khuyến nông nên được xây dựng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của phụ nữ hơn là nam giới. Các khoá đào tạo nên tập trung vào hoàn thiện kỹ năng của phụ nữ trong quản lý giống, kỹ thuật trồng trọt, quản lý sâu bệnh, chăm sóc đồng ruộng, kỹ thuật thu hoạch, marketing và sử dụng khoai tây.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Kim Chung, Draft Research Report on “Socio-economic Assessment OF Potato Production Target Groups In Northern Viet Nam”, Submitted to Deutsche Gesellschaft Fur Technische Zusammenarbeit (GTZ) GmbH and Chief Technical Advisor Vietnamese-German technical Co-operation Development of Potato Production in Vietnam Project, Ministry of Agriculture and Rural Development –GTZ, Hanoi, June, 2001.

Văn phòng dự án VIE 96/001- Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ- UNDP thiết kế (1998), Phân tích giới và lập kế hoạch dưới góc độ giới, tài liệu tập huấn, tháng 6 năm 1998.

Nguyễn Thị Xuyên (2001), Báo cáo kết quả thực hiện dự án “Nâng cao thu nhập, đảm bảo an ninh lương thực, tăng khả năng ra quyết định của hộ nông dân đồng bằng sông Hồng- miền Bắc Việt Nam thông qua việc áp dụng quản lý cây trồng tổng hợp”(ICM), báo cáo trình bày tại Hội thảo về chương trình ICM, 10/7/2001 tại Hà Nội.

Kim Thị Dung